

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 401/2025/DS-PT

Ngày: 28-4-2025

V/v Tranh chấp đòi lại tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Khương

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: bà Trịnh Thị Hoàng Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2025/TLPT- DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”; do Bản án dân sự sơ thẩm số 556/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa án ra xét xử số 1129/2025/QĐ-PT ngày 08 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông Nguyễn Xuân B, sinh năm 1948. Địa chỉ: A -9th, G, CA, USA.

Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:

1. Ông Trần Quốc B1, sinh năm 1963. Địa chỉ: C Bis P (số mới 202/146), xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Ông Hà Thúc Đ, sinh năm 1959. Địa chỉ: 1 đường L, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Thành H, sinh năm 1952;

2. Bà Trương Thị Thanh H1, sinh năm 1957

Cùng địa chỉ: B (số M), tổ B, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: ông Tô Văn L, sinh năm 1977. Địa chỉ: I đường T, ấp A, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người kháng cáo: bị đơn ông Nguyễn Thành H, bà Trương Thị Thanh H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 30/9/2016 của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B, Bản tự khai ngày 01/6/2017 ông Xuân B ủy quyền ông Trần Quốc B1 đại diện trình bày: Năm 2004, thông qua Công ty H2, nguyên đơn chuyển cho bị đơn ông Nguyễn Thành H 16 (Mười sáu) lần tiền, tổng cộng là 417.000 (Bốn trăm mười bảy ngàn) USD, cụ thể: ngày 02/01 chuyển 15.000 USD; ngày 20/01 chuyển 30.000 USD; ngày 26/02 chuyển 25.000 USD; ngày 18/3 chuyển 30.000 USD; ngày 01/4 chuyển 40.000 USD; ngày 08/4 chuyển 35.000 USD; ngày 21/4 chuyển 40.000 USD; ngày 05/5 chuyển 27.000 USD; ngày 14/5 chuyển 20.000 USD; ngày 21/5 chuyển 30.000 USD; ngày 28/5 chuyển 15.000 USD; ngày 24/6 chuyển 25.000 USD; ngày 09/7 chuyển 35.000 USD; ngày 24/7 chuyển 10.000 USD; ngày 24/9 chuyển 20.000 USD và ngày 01/10/2004 chuyển 20.000 USD. Mục đích chuyển 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD cho ông H là để làm từ thiện (ông H mua gạo và xe lắc hỗ trợ cho những người có hoàn cảnh khó khăn) và mua đất ở xã P, huyện V, tỉnh Đồng Nai (ông B1 nhờ ông H và bà H1 đứng tên).

Sau khi nhận 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD, ông H đã làm từ thiện 120.000 (một trăm hai mươi ngàn) USD, còn đối với việc mua đất thì ông H không thực hiện đúng yêu cầu của ông Xuân B. Do vậy, năm 2016, ông B khởi kiện ông H và bà H1 yêu cầu trả 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD, tương đương 8.757.000.000 đồng (tám tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu đồng).

Tại bản tự khai ngày 09/03/2021 của ông Nguyễn Thành H là bị đơn trình bày: ông thừa nhận năm 2004, ông Nguyễn Xuân B ở Mỹ có chuyển về Việt Nam cho ông tổng cộng 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD. Mục đích ông B chuyển 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD là để cứu trợ cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Sau khi nhận số tiền này, ông đã mua gạo, xe lắc gửi đến những người có hoàn cảnh khó khăn theo yêu cầu của ông B. Nay, qua yêu cầu của ông B thì ông không đồng ý, vì ông đã cứu trợ hết 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án đã triệu tập bị đơn bà Trương Thị Thanh H1 đến Tòa để trình bày ý kiến của bà H1 đối với yêu cầu của ông Xuân B. Tuy nhiên, bà H1 không đến Tòa.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 556/2024/DS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B yêu cầu ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 trả 120.000 (Một trăm hai mươi ngàn) USD, tương đương 1.883.760.000 đồng (Một tỷ tám trăm tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B.

Buộc ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Xuân B 297.000 (Hai trăm chín mươi bảy ngàn) USD, tương đương 7.396.785.000 đồng (Bảy tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/8/2024 và ngày 11/9/2024, bị đơn ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Tô Văn L đại diện theo ủy quyền của bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày:

Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá hết chứng cứ do bị đơn cung cấp, chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn là chưa khách quan. Việc áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 là không đúng; đại diện Viện kiểm sát phát biểu bà Hương không liên quan đến số tiền làm từ thiện nhưng Hội đồng xét xử lại buộc bà **H1** có trách nhiệm cùng ông **H** trả tiền cho nguyên đơn là không có căn cứ. Luật sư **Hà Thúc Đ** đã bị xóa tên khỏi **đoàn Luật sư Thành phố H** nhưng vẫn để ông **Đ** bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vụ án, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Quốc B1 và ông Hà Thúc Đ thống nhất trình bày: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật dân sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì có căn cứ ông B1 chuyển 417.000USD cho ông H nhưng ông H chỉ chứng minh được một phần tiền làm từ thiện nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc ông H và bà H1 phải trả lại cho ông B1 số tiền còn lại là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện của ông H có cung cấp được một số tài liệu chứng minh có đi làm từ thiện nhưng không được nguyên đơn chấp nhận nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có đại diện hợp pháp tham dự phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là có căn cứ theo quy định tại điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn

[2.1] Căn cứ Bảng kê khai số liệu giao dịch chuyển tiền của ông Nguyễn Xuân B cho ông Nguyễn Thành H ngày 08/10/2011 của Công ty H2 và sự thừa nhận của ông B và ông H, có cơ sở xác định năm 2004, thông qua Công ty H2, nguyên đơn ông B chuyển cho ông H 16 (mười sáu) lần tiền, tổng cộng là 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD.

[2.2] Nguyên đơn trình bày: mục đích chuyển tiền để ông H đi làm từ thiện và mua đất xây dựng nhà thờ nhưng ông H chỉ mua 22.625 kg gạo, giá 3.600 đồng/kg và mua 965 chiếc xe lắc, giá 1.650.000 đồng/chiếc của Doanh nghiệp Tư nhân K để trao cho những người có hoàn cảnh khó khăn. Do vậy, nguyên đơn đồng ý trừ số tiền mua gạo và xe lắc nêu trên cho bị đơn là 120.000 (một trăm hai mươi ngàn) USD; Còn lại 297.000 (hai trăm chín mươi bảy ngàn) USD, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 297.000 (hai trăm chín mươi bảy ngàn) USD, quy đổi bằng đồng Việt Nam.

[2.3] Phía ông H thừa nhận có nhận số tiền 417.000 (bốn trăm mười bảy ngàn) USD do nguyên đơn chuyển nhưng đã sử dụng hết số tiền này để làm từ thiện. Tuy nhiên, thời gian đã 20 (hai mươi) năm nên hiện nay, ông không còn giữ chứng từ, hóa đơn giá trị gia tăng của những lần mua gạo, xe lắc, chăn, khoan giếng và mua quà Tết (trao cho những người có hoàn cảnh khó khăn), hiện ông chỉ có các chứng từ số lượng giao xe lắc của Doanh nghiệp Tư nhân K giao cho Hội, tổng cộng 965 xe lắc, giá 01 chiếc xe lắc là 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng). Tổng cộng số tiền là 1.592.250.000 đồng. Đồng thời, nguyên đơn và bị đơn thừa nhận ông H có mua 22.625 kg gạo, tổng cộng bằng 81.450.000 đồng. Tổng cộng số tiền ông H mua xe lắc 1.592.250.000 đồng + mua gạo 81.450.000 đồng = 1.673.700.000 đồng.

[2.4] Theo Công văn số 7080/TC-TCĐN ngày 28/6/2004 của Bộ T, tỷ giá hạch toán giữa đồng Việt Nam với đôla Mỹ (USD) tháng 07/2004 là 1 USD bằng 15.698 đồng nên tổng số tiền ông H làm từ thiện là 1.673.700.000 đồng (một tỷ sáu trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng), tương đương là 106.618 (một trăm lẻ sáu ngàn sáu trăm mười tám) USD. Tại phiên tòa, ông B đồng ý trừ số tiền ông H đã làm từ thiện là 120.000 (một trăm hai mươi ngàn) USD, tương đương 1.883.760.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp nhận ý kiến của nguyên đơn là phù hợp và buộc ông H, bà H1 phải liên đới trả cho nguyên đơn số tiền còn lại là 297.000 (hai trăm chín mươi bảy ngàn) USD quy ra tiền đồng Việt Nam bằng 7.396.785.000 đồng (bảy tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng), (theo tỷ giá USD ngày 21/8/2024: 1 USD = 24.905 đồng Việt Nam) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn có đưa ra các tài liệu, chứng cứ, cụ thể là 01 sổ gạo cứu trợ (bản chính, là 1 cuốn tập) và 01 hoá đơn ngày 26/4/2004

(bản chính); 01 giấy xác nhận ngày 22/7/2009 gửi cho Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu; 02 giấy đề nghị ngày 16/7/2004; 01 giấy tiếp nhận số 432 ngày 05/10/2004; 01 giấy tiếp nhận giao cứu trợ số 538 ngày 25/11/2004 (tất cả bản chính) nhưng các chứng cứ này không thể hiện do chính bị đơn làm từ thiện theo yêu cầu của ông B; trong khi bị đơn và nguyên đơn đều thừa nhận mỗi lần đi từ thiện đều có nguyên đơn và bị đơn đi cùng nhau nên không có căn cứ chấp nhận các chứng cứ trên.

[2.6] Về trách nhiệm liên đới trả tiền của bà H1 cho nguyên đơn: ông B gửi tiền cho ông H trong thời kỳ tồn tại mối quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà H1; ông H không chứng minh làm từ thiện hết số tiền nhận được từ nguyên đơn và không chứng minh được đã sử dụng số tiền còn lại vào mục đích cho riêng cá nhân ông H nên Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm buộc bà H1 cùng có trách nhiệm liên đới với ông H trả lại số tiền 7.396.785.000 (bảy tỷ ba trăm sáu chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn) đồng cho nguyên đơn là phù hợp.

[2.7] Đối với ý kiến của ông L cho rằng: Hội đồng xét xử đã vi phạm tố tụng như áp dụng Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 là không đúng và chấp nhận tư cách ông Hà Phúc Đ1 là Luật sư trong khi ông Đ1 đã bị xóa tên khỏi Đoàn Luật sư Thành phố H, Hội đồng xét xử nhận thấy Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng các điều khoản của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 là không chính xác (đúng phải là Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015) nhưng xét thấy đây chỉ lỗi do nhầm lẫn về chính tả nên chỉ cần điều chỉnh lại cho đúng và việc ông Hà Thúc Đ không còn thuộc luật sư của Đoàn Luật sư Thành phố H cũng không làm ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm như đề nghị của ông L.

[2.8] Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị đơn cũng như ý kiến của người đại diện theo ủy quyền ông Tô Văn L, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tham gia phiên tòa là có cơ sở.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H, bà H1 phải chịu án phí theo quy định nhưng được miễn do thuộc trường hợp người cao tuổi.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

I. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 556/2024/DS-ST

ngày 21 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (có điều chỉnh về bộ luật tố tụng áp dụng).

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 264 Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 29 Nghị định số:160/2006/NĐ - CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao - Viện kiểm sát nhân dân Tối cao - Bộ T - Bộ tư pháp hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ 01 phần yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B yêu cầu ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 trả 120.000 (Một trăm hai mươi ngàn) USD, tương đương 1.883.760.000 đồng (một tỷ tám trăm tám mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân B: buộc ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 phải có trách nhiệm trả lại cho ông Nguyễn Xuân B 297.000 (hai trăm chín mươi bảy ngàn) USD, tương đương 7.396.785.000 đồng (bảy tỷ ba trăm chín mươi sáu triệu bảy trăm tám mươi lăm ngàn đồng).

- Thi hành tại Cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Nguyễn Xuân B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 chưa thanh toán khoản tiền nêu trên thì hàng tháng ông H và bà H1 còn phải trả thêm cho ông Nguyễn Xuân B tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng N quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 được miễn; hoàn lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Xuân B đã nộp 58.378.500 đồng (năm mươi tám triệu ba trăm bảy mươi tám ngàn năm trăm đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0031347 ngày 11/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

II. Án phí dân sự phúc thẩm: ông Nguyễn Thành H và bà Trương Thị Thanh H1 được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Khương

Trần Văn Đạt

Nguyễn Thị Cúc